

Bài 12.

PHÂN BÓN HOÁ HỌC

2.39. Phân đạm urê thường chỉ chứa 46% N. Khối lượng (kg) urê đủ cung cấp 70 kg N là

18

- A. 152,2. B. 145,5.
C. 160,9. D. 200,0.

Hãy chọn đáp số đúng.

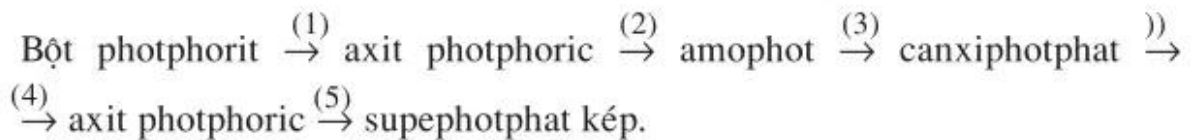
- 2.40. Phân supephotphat kép thực tế sản xuất được thường chỉ ứng với 40% P_2O_5 . Hàm lượng (%) của canxi dihydrophotphat trong phân bón này là
- A. 69,0. B. 65,9.
C. 71,3. D. 73,1.

Hãy chọn đáp số đúng.

- 2.41. Phân kali clorua sản xuất được từ quặng xinvinít thường chỉ ứng với 50% K_2O . Hàm lượng (%) của KCl trong phân bón đó là
- A. 72,9. B. 76,0.
C. 79,2. D. 75,5.

Hãy chọn đáp án đúng.

- 2.42. Từ amoniác, đá vôi, nước, không khí, chất xúc tác thích hợp hãy viết các phương trình hoá học điều chế các phân đạm :
1. canxi nitrat ;
2. amoni nitrat.
- 2.43. Viết phương trình hoá học thực hiện dãy chuyển hoá sau :



- 2.44. Một mẫu supephotphat đơn khối lượng 15,55 g chứa 35,43% $Ca(H_2PO_4)_2$, còn lại là $CaSO_4$. Tính tỉ lệ % P_2O_5 trong mẫu supephotphat đơn trên.
- 2.45. Cho 40,32 m³ amoniác (đktc) tác dụng với 147 kg axit photphoric tạo thành một loại phân bón amophot có tỉ lệ số mol

$$n_{NH_4H_2PO_4} : n_{(NH_4)_2HPO_4} = 4 : 1.$$

1. Viết phương trình hoá học tạo thành phân bón amophot đó.
2. Tính khối lượng (kg) của amophot thu được.